



SAVICO

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ IV

Năm 2011

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 01 – DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi
bổ sung theo thông tư số 244/2009/TT-BTC)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2011</i>	<i>01/01/2011</i>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		738.615.094.832	842.423.184.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		112.177.223.398	106.497.794.903
1. Tiền	111	D1	95.168.753.398	81.661.803.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.008.470.000	24.835.991.780
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	31.176.951.543	36.129.147.943
1. Đầu tư ngắn hạn	121		65.732.791.851	49.092.369.471
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(34.555.840.308)	(12.963.221.528)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.724.392.781	379.880.146.892
1. Phải thu khách hàng	131		123.185.541.574	139.074.302.004
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	55.478.119.558	217.116.916.044
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	71.117.787.082	25.180.835.030
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.057.055.433)	(1.491.906.186)
IV. Hàng tồn kho	140		315.738.651.425	275.187.718.365
1. Hàng tồn kho	141	D4	320.837.953.154	280.012.761.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.099.301.729)	(4.825.043.063)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.797.875.685	44.728.376.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.691.953.956	2.374.397.828
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.944.124.993	27.882.758.189
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	59.547.174	59.971.924
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.102.249.562	14.411.248.638
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.996.285.443.388	1.514.908.308.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.864.029.609	4.345.621.247
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	4.864.029.609	4.345.621.247
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.108.176.264.338	645.846.282.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	135.179.405.270	128.930.789.242
- Nguyên giá	222		176.125.797.146	158.682.468.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.946.391.876)	(29.751.679.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	5.081.567.819	6.891.006.551
- Nguyên giá	225		8.099.678.641	8.099.678.641
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.018.110.822)	(1.208.672.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	46.919.685.181	48.143.363.719
- Nguyên giá	228		52.977.326.840	52.842.326.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.057.641.659)	(4.698.963.121)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	920.995.606.068	461.881.123.012
III. Bất động sản đầu tư	240	D12	264.438.316.820	96.391.944.455
- Nguyên giá	241		301.533.399.306	115.808.292.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(37.095.082.486)	(19.416.347.749)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		532.192.015.026	687.287.495.371
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	163.775.312.737	245.139.975.519
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	382.552.961.223	466.032.998.908
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(14.136.258.934)	(23.885.479.056)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		86.614.817.595	81.036.965.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	48.351.022.232	35.562.523.169
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.157.210.163	12.223.926.796
3. Tài sản dài hạn khác	268		33.106.585.200	33.250.515.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.734.900.538.220	2.357.331.493.494
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.844.451.229.370	1.477.197.357.737
I. Nợ ngắn hạn	310		1.055.950.815.571	884.881.654.531
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	404.989.063.981	473.247.112.341
2. Phải trả người bán	312		211.155.624.201	114.418.935.802
3. Người mua trả tiền trước	313		155.965.064.517	111.393.088.034
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	23.136.827.794	21.967.183.272
5. Phải trả người lao động	315		53.998.872.349	43.204.415.801
6. Chi phí phải trả	316	D19	25.336.555.646	21.624.749.389
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	173.599.489.882	92.172.575.618
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.769.317.201	6.853.594.274
II. Nợ dài hạn	330		788.500.413.799	592.315.703.206
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	54.738.868.977	125.519.831.624
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	543.153.278.135	354.845.761.678
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.689.325.256	2.257.175.844
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		187.918.941.431	109.692.934.060
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		734.997.518.321	732.725.216.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	D23	734.997.518.321	732.725.216.830
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.955.730.000	249.955.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(690.474.358)	(690.474.358)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.862.163.483	5.093.483.305
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.747.986.699	19.159.016.653

8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.748.703.390	9.067.519.041
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		128.308.550.804	133.075.083.886
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	D24	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
			-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		155.451.790.529	147.408.918.927
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		2.734.900.538.220	2.357.331.493.494

- -

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		D25	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
USD			3.018	3.026
EUR			18	26
JPY			-	-
AUD			-	-
SGD			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 02 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV2011	Quý IV2010	Lũy kế	
					2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D26	1.886.210.307.325	1.463.060.691.506	6.190.282.632.907	4.207.696.295.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.392.142.841	6.854.758.934	18.785.000.166	14.664.451.869
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.874.818.164.484	1.456.205.932.572	6.171.497.632.741	4.193.031.843.627
4. Giá vốn hàng bán	11	D27	1.762.364.140.089	1.351.962.869.584	5.770.626.724.963	3.920.421.509.078
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112.454.024.395	104.243.062.988	400.870.907.778	272.610.334.549
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D28	26.295.692.629	19.600.363.053	52.426.041.241	58.023.649.536
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D29	38.996.558.544	23.982.052.600	142.690.976.426	58.627.055.357
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.285.210.470	23.286.222.275	119.492.371.566	65.538.384.101
8. Chi phí bán hàng	24		43.210.698.686	35.916.895.232	144.941.019.595	105.932.866.888
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.389.047.405	33.272.464.048	141.505.619.528	90.843.280.443
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.153.412.389	30.672.014.161	24.159.333.470	75.230.781.397
11. Thu nhập khác	31		(55.257.692.887)	12.936.431.769	86.147.458.251	25.674.679.212
12. Chi phí khác	32		(81.871.354.926)	543.503.381	5.375.281.769	2.000.291.250
13. Lợi nhuận khác	40		26.613.662.039	12.392.928.388	80.772.176.482	23.674.387.962
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		3.736.778.267	4.267.214.942	6.757.231.311	8.523.140.968
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		39.503.852.695	47.332.157.491	111.688.741.263	107.428.310.327
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		11.632.664.007	9.666.140.356	29.865.106.503	20.360.524.192
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		7.066.716.633	(1.830.099.832)	7.066.716.633	(1.363.748.273)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		20.804.472.055	39.496.116.967	74.756.918.127	88.431.534.408
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		8.972.292.284	3.832.656.702	35.867.934.542	10.291.683.067
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		11.832.179.772	35.663.460.265	38.888.983.585	78.139.851.341
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D30	474	1.428	1.557	3.127

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

**SAVICO**

Saigon General Service Corporation

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Mẫu số B 03 – DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>2011</i>	<i>2010</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		111.688.741.263	107.732.604.985
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		24.345.515.315	18.682.998.508
- Các khoản dự phòng	03		12.236.572.251	(42.601.022.864)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.294.581.121)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(133.213.875.819)	(4.965.998.771)
- Chi phí lãi vay	06		119.492.371.566	65.548.226.608
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		133.254.743.455	144.396.808.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		133.644.368.446	(191.513.481.921)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.825.191.726)	(180.686.134.198)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		228.294.883.651	187.683.638.380
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.945.767.088)	(8.616.476.326)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(118.682.940.568)	(62.277.557.193)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(27.065.934.280)	(31.262.208.999)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.404.413.969)	(8.196.578.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		297.269.747.921	(150.471.989.840)
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(676.886.520.256)	(250.964.741.104)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.428.072.727	4.909.494.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.170.248.620)	(59.810.043.616)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		325.858.525.730	90.611.108.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.750.556.556	15.476.132.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(385.019.613.863)	(199.778.049.698)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		800.000.000	30.733.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(690.458.358)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.344.291.841.475	1.923.336.852.905
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.221.271.616.178)	(1.613.860.469.645)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.970.857.200)	(1.521.084.113)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.420.073.660)	(43.119.637.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93.429.294.437	294.878.702.961
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.679.428.495	(55.371.336.577)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		106.497.794.903	161.869.131.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		112.177.223.398	106.497.794.903

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ

BCLCTTHN

5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ IV NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.
- 4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**
 1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
 3. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 63,64%
 5. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
 6. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: 7-9 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
 7. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 8. Công Ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố
 - Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
 9. Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn
 - Địa chỉ: 86 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
- 10. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn (từ 30/09/2011)
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 99%
- 5. **Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:**
 1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
 2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
 3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
 4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
 5. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
 6. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 25%
 7. Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội
 - Địa chỉ: 56 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chính sách kế toán áp dụng

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC được ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 42
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D1. Tiền		
Tiền mặt	6.036.900.023	5.141.765.517
Tiền gửi ngân hàng	88.911.185.831	76.435.606.257
Tiền đang chuyển	220.667.544	84.431.349
Cộng	95.168.753.398	81.661.803.123
D2. Đầu tư ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	65.732.791.851	49.092.369.471
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(34.555.840.308)	(12.963.221.528)
Cộng	31.176.951.543	36.129.147.943

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu):

	Mã CK	Danh mục tại 31/12/2011		Danh mục tại 01/01/2011	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Cty CP Bảo Hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	180.000	6.300.000.000
2	Cty CP ĐT XD XNK 2 (Constrexim 2)	500.000	14.000.000.000	500.000	14.000.000.000
3	Cty CP Merufa	110.000	3.000.000.000	110.000	3.000.000.000
4	Cty CP PT Nhà Thủ Đức (Thuduchouse)	331.010	10.059.213.808	305.250	12.800.732.088
5	Cty CP XNK Khánh Hội	62.850	628.035.500	128.200	3.095.377.940
6	Cty CP XNK Điện Tử Quận 10 (TIE)	31.390	243.490.000	-	-
7	Cty CP CK Phương Đông (ORS)	2.400.000	31.500.000.000	-	-
8	Cty CP Bourbon Tây Ninh	-	-	40.000	596.000.000
9	Cty CP Cơ Điện Lạnh REE	-	-	147.840	2.625.281.000
10	Sai Gon Postel (SPT)	-	-	539.423	4.903.850.000
11	Cty CP ĐTư Hạ Tầng Kỹ Thuật (CII)	-	-	50.000	1.769.000.000
12	Ngân hàng CP Sài Gòn Thương Tín	-	-	2	75.900
13	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Hải Phòng (HPC)	812	2.052.543	812	2.052.543
	Tổng cộng	3.616.062	65.732.791.851	2.001.527	49.092.369.471

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	366.313.200
- Phải thu khác (*)	71.117.787.082	24.814.521.830
Cộng	71.117.787.082	25.180.835.030

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*): Các khoản phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản:

- ✓ Phải thu từ chuyển nhượng 25,5% vốn tại Cty LD Savico-Vinaland cho Vinaland Investment Limited là: 55.383.030.000đ.
- ✓ Giao vốn cho bộ phận kinh doanh xe cũ tại công ty con: 13.480.679.687đ.
- ✓ Các khoản chi hộ và phải thu một số đơn vị khác là: 2.254.077.395đ

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 55.478.119.558 đồng, trong đó:

- ✓ Ứng trước tiền hàng, thực hiện hợp đồng mua bán với Cty TESC (cty liên kết): 10.000.000.000đ
- ✓ Các khoản ứng trước cho các nhà cung cấp khác (thi công, san lấp, tư vấn...) là 6.131.312.832đ.
- ✓ 3.533.219.624 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty TNHH Đông Đô Thành.
- ✓ 11.120.096.654 đồng: ứng trước các chi phí của Đại lý Toyota Pháp Vân và tiền hàng của Cty Toyota Giải Phóng.
- ✓ 4.590.483.382 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con.
- ✓ 17.507.820.675 đồng: ứng trước các HĐ xây dựng cho Dự án Mega Mall tại Hà Nội
- ✓ 1.200.977.800 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Toyota Cần Thơ.
- ✓ 912.792.638 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Thành Phố (Hyundai).
- ✓ 224.775.586 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty Saigonford
- ✓ 184.160.150 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty TMDV Sài Gòn (Yamaha)
- ✓ 72.480.217 đồng: ứng trước tiền hàng của Cty ô tô Sông Hàn (Hyundai).

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	2.650.499.999	7.494.652.908
- Nguyên liệu, vật liệu	6.702.547.206	3.414.273.776
- Công cụ, dụng cụ	122.116.818	821.939.200
- Chi phí SX, KD dở dang	2.206.908.544	1.211.899.666
- Thành phẩm	359.449.103	-
- Hàng hóa	308.491.640.442	266.365.204.836
- Hàng gửi đi bán	304.791.042	704.791.042
Cộng giá gốc hàng tồn kho	320.837.953.154	280.012.761.428

D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Các khoản phải thu Nhà nước	59.547.174	59.971.924
Cộng	59.547.174	59.971.924

D6. Phải thu dài hạn nội bộ

D7. Phải thu dài hạn khác

(*): Khoản phải thu dài hạn chủ yếu là khoản chi phí ban đầu dự án Thảo Điền.

D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	112.269.443.628	26.652.096.643	14.967.260.892	4.793.667.494	158.682.468.657
Mua trong kỳ	750.934.713	8.283.997.940	8.162.811.641	3.506.401.962	20.704.146.256
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(8.823.416)	(34.241.076)	(3.217.753.275)	-	(3.260.817.767)
Số cuối kỳ	113.011.554.925	34.901.853.507	19.912.319.258	8.300.069.456	176.125.797.146
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.077.329.617	9.775.407.175	4.363.626.228	535.316.395	29.751.679.415
Khấu hao trong kỳ	4.215.378.173	3.483.902.592	2.880.365.810	1.549.045.053	12.128.691.628
Giảm trong kỳ	(845.068)	(26.732.849)	(906.401.250)	-	(933.979.167)
Số cuối kỳ	19.291.862.722	13.232.576.918	6.337.590.788	2.084.361.448	40.946.391.876
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	97.192.114.011	16.876.689.468	10.603.634.664	4.258.351.099	128.930.789.242
Số cuối kỳ	93.719.692.203	21.669.276.589	13.574.728.470	6.215.708.008	135.179.405.270

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.721.350.630 đồng

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	8.099.678.641	-	8.099.678.641
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.208.672.090	-	1.208.672.090
Khấu hao trong kỳ	1.809.438.732	-	1.809.438.732
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	3.018.110.822	-	3.018.110.822
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.891.006.551	-	6.891.006.551
Số cuối kỳ	5.081.567.819	-	5.081.567.819

D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	51.120.693.490	1.721.633.350	52.842.326.840
Tăng trong kỳ	-	185.000.000	185.000.000
Giảm trong kỳ	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số cuối kỳ	51.120.693.490	1.856.633.350	52.977.326.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.315.660.492	383.302.629	4.698.963.121
Khấu hao trong kỳ	913.023.012	479.015.498	1.392.038.510
Giảm trong kỳ	-	(33.359.972)	(33.359.972)
Số cuối kỳ	5.228.683.504	828.958.155	6.057.641.659
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	46.805.032.998	1.338.330.721	48.143.363.719
Số cuối kỳ	45.892.009.986	1.027.675.195	46.919.685.181

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chuyển TSCĐ/BĐSDT	Số cuối kỳ
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng,	3.982.948.278	1.826.981.221	-	5.809.929.499
Dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước	97.361.330.108	7.837.187.208	-	105.198.517.316
Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng	23.783.475.442	15.330.329.483	-	39.113.804.925
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	234.153.583	-	-	234.153.583
Công trình 104 Phổ Quang	19.838.906.191	3.054.616.174	-	22.893.522.365
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	10.131.979.955	529.983.111	-	10.661.963.066
Dự án Quốc Lộ 13	171.894.300.125	15.133.279.774	-	187.027.579.899
Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ	15.534.969.277	-	15.534.969.277	-
Dự án Nam Cẩm Lệ - Đà Nẵng	2.000.000.000	70.359.672.812	-	72.359.672.812
Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội)	117.119.060.053	437.807.349.890	77.309.147.340	477.617.262.603
Sửa chữa showroom Toyota Pháp Vân	-	144.032.296	144.032.296	-
Sửa chữa showroom Đông Đô Thành	-	-	12.200.000	-
Xưởng 56A An Dương Vương, P18, Q6, TP.HCM (Công ty CP Ôtô Thành Phố)	-	79.200.000	-	79.200.000
Cộng	461.881.123.012	552.102.631.969	93.000.348.913	920.995.606.068

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuyết minh cho chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án số 277-279 Lý Tự Trọng:	Đã khởi công trong tháng 09/2011, đang tiếp tục thi công xây dựng đảm bảo đúng theo tiến độ và dự kiến hoàn tất vào tháng 02/2012.
+ Dự án T.Bình – Hiệp Bình Phước:	Hoàn tất pháp lý, thiết kế hạ tầng, dự kiến kế hoạch khởi công hạ tầng khu Phường Tam Bình.Thực hiện kế hoạch bán phần diện tích đất nền liên kế.
+ Dự án Mercue Sơn Trà Resort - Đà Nẵng:	Đang tiếp tục thi công phần hạ tầng dự án và thi công 03 biệt thự đã thu cọc, bán.Tiếp tục xúc tiến quảng bá, tiếp thị để bán thêm các biệt thự.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc:	Vẫn đang phối hợp với địa phương tiến hành đền bù, giải tỏa.
+ Dự án 104 Phổ Quang:	Đang hoàn tất pháp lý xin thực hiện phương án đầu tư nền nhà liên kế.
+ Dự án 66-68 NKKN:	Đã nộp một phần quyền SDD và công trình trên đất. Tiếp tục xây dựng phương án và tìm đối tác đầu tư.
+ Dự án Quốc lộ 13:	Ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án, đã thu tiền ứng trước 20% giá trị Hợp Đồng.Đã hoàn tất bổ sung pháp lý trong thủ tục chuyển nhượng.
+ Dự án Đại lý Toyota Cần Thơ tại Nam Cần Thơ:	Kết chuyển tăng BĐS đầu tư.
+ Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng:	Hoàn tất quy hoạch 1/500. Đã nhận sổ đỏ cho 39 nền nhà liên kế; đề xuất phương án và xúc tiến chuyển nhượng.
+ Dự án Savico Mega Mall (Savico Plaza Hà Nội):	Bổ nhiệm CB-RE là đơn vị kinh doanh và tiếp thị dự án. Đã hoàn thành và đưa vào khai thác trong quý 4 năm 2011. Công suất khai thác đã đạt được hơn 82% diện tích cho thuê.

D12. Bất động sản đầu tư

<i>Khoản mục</i>	<i>Số dư đầu 2011</i>	<i>Tăng trong 2011</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số dư 31/12/2011</i>
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Nhà	115.808.292.204	218.253.296.231	32.528.189.129	301.533.399.306
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	19.416.347.749	17.678.734.737	-	37.095.082.486
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Nhà	96.391.944.455	168.046.372.365	-	264.438.316.820

D13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	8.328.000.000	8.328.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	8.250.050.000	8.250.050.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	56.000.000.000	56.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	25.309.668.000
Công ty Cổ Phần Ô tô Thành Phố	5.100.000.000	5.100.000.000
Công Ty Cổ Phần Ô tô Sông Hàn	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Sạch Vụn Sài Gòn	3.026.885.279	-
Cộng	128.263.107.279	125.236.222.000

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng CP	Giá trị	Số lượng CP	Giá trị
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	-	31.739.969.455	-	27.010.164.401
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	2.057.085	47.744.994.832	2.057.085	45.756.025.752
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	-	2.410.428.932	-	2.074.855.332
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	322.160	6.415.394.667	322.160	5.832.530.022
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC (*)	-	-	-	1.407.232.099
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	240.000	1.059.599.897	240.000	1.213.115.573
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland (**)	-	71.063.201.019	-	158.711.092.883
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	-	3.341.723.935	-	3.134.929.458
Cộng		163.775.312.737		245.139.975.519

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D15. Đầu tư dài hạn khác (theo chiến lược dài hạn)		
- Đầu tư tài chính dài hạn (là CD chiến lược, CD sang lập).	190.996.380.590	235.285.768.090
- Góp vốn dài hạn vào các dự án bất động sản	180.042.699.041	226.131.349.226
- Đầu tư dài hạn khác	11.513.881.592	4.615.881.592
Cộng	382.552.961.223	466.032.998.908

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thuyết minh các khoản đầu tài chính dài hạn (theo giá trị đầu tư ban đầu)

STT	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Theo lĩnh vực tài chính					
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	11.260.497	126.666.430.590	10.748.657	126.666.430.590
2	Cty CP Chứng khoán Phương Đông (ORS)	-	-	2.400.000	31.500.000.000
3	Ngân Hàng EXIM	-	-	886	20.157.500
4	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	1.650	242.550.000	1.650	242.550.000
5	Công ty CP Kim Khí Thăng Long	15.664	221.464.000	15.664	221.464.000
6	Công ty CP Cơ khí Vinh	47.000	488.800.000	47.000	488.800.000
7	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	30.500	305.000.000	30.500	305.000.000
8	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thủ Đô	-	-	100.000	1.000.000.000
Theo lĩnh vực dịch vụ thương mại					
1	Cty CP ĐT KD Điện lực (Tradincorp)	1.350.000	13.500.000.000	1.350.000	13.500.000.000
2	Cty CP Dây cáp điện Việt Thái	650.760	8.042.676.000	650.760	8.042.676.000
3	Cty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	677.250	6.772.500.000	677.250	6.772.500.000
4	Cty CP Bến Thành Non nước (Sandy Beach)	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
5	Cty CP TM BếnThành (TSC)	151.202	3.289.960.000	151.202	3.289.960.000
6	Cty CP Kỹ Nghệ Lạnh (Searefico)	173.000	11.467.000.000	173.000	11.467.000.000
7	Cty CP Rượu Bia NGK Sài Gòn (Sabeco)	200.000	14.000.000.000	200.000	14.000.000.000
8	SaiGon Postel (SPT)	-	-	1.294.615	11.769.230.000
Tổng cộng		15.157.523	190.996.380.590	18.441.037	235.285.768.090

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

Tên Dự án	31/12/2011	Nội dung
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	41.355.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2.
Dự án Long Hòa - Cần Giờ	58.366.637.098	Tham gia góp vốn với Cty CP FIDECO với tỉ lệ 50%. Đã nộp tiền sử dụng đất. Đang tiến hành san lấp mặt bằng, đồng thời điều chỉnh quy hoạch 1/500.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	78.310.099.954	Tham gia góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội, tỉ lệ vốn góp 49%. Hoàn tất phần móng và 2 tầng hầm. Đã chuyển công năng sang căn hộ bán và các phương án tiếp thị kinh

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		doanh đang được xúc tiến.
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân	792.176.070	Cùng góp vốn với Titco và Khahomex – đây là chi phí đầu tư ban đầu. Đang hoàn tất về pháp lý; thực hiện thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán tại 1014B. (phần giảm là do tách số giữa 02 dự án)
Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu	1.168.179.730	
Khu du lịch Sinh Thái Cần Giở	50.000.000	Tham gia dự án cùng với Cty Quản lý Nhà Quận 1 và Tổng Cty Bến Thành.
Cộng	180.042.699.041	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa, cải tạo các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc: 1.791.093.605 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (sửa chữa nhỏ, các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) cho dự án Dự án tại Phan Văn Trị, Gò Vấp (Co-op Mart): 20.032.164.944 đồng.

Chi phí phân bổ tại Cty TOYOTA Cần Thơ: 2.541.133.220 đồng.

Chi phí sửa chữa nhỏ và phân bổ công cụ, dụng cụ tại Sài Gòn Ford và Bến Thành Ford: 583.356.818 đồng.

Chi phí thành lập doanh nghiệp của Công ty Ô tô Thành Phố : 1.500.172.354 đồng.

Chi phí phân bổ dài hạn (các hạng mục xây dựng, thiết bị nhà xưởng...) Đại lý TOYOTA Pháp Vân, Hà Nội: 10.987.212.336 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng...tại Cty CP Sài Gòn Ngôi Sao và các công ty con: 2.121.017.420 đồng.

Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng...tại Công ty CP Savico Hà Nội và Cty Toyota Long Biên: 7.996.349.993 đồng.

D17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Nông Nghiệp và PT Nông Thôn	5.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	62.798.165.225	69.213.686.349
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	-	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	181.420.225.289	138.755.193.500
Ngân hàng HSBC	13.879.401.733	44.211.767.750
Ngân hàng Mitsubishi (Cần Thơ)	12.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	14.952.671.370	27.957.114.878
Ngân hàng TMCP Quân Đội	30.514.810.000	6.349.500.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt	9.421.212.006	7.779.051.014
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	5.504.915.000	11.142.588.028
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - SCB	5.237.892.500	16.505.947.222
Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	550.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Sumitomo	4.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Hà Nội)	1.300.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Hà Nội)	5.550.000.000	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngân hàng ANZ	18.119.289.600	-
Đối tượng khác	1.300.000.000	4.900.000.000
Cộng vay ngắn hạn	371.548.582.723	362.614.848.741
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Tp.HCM)	1.776.000.000	1.776.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương	5.224.000.000	6.424.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	84.492.000	77.084.492.000
Ngân hàng HSBC	-	904.017.600
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - SACOMBANK	14.092.055.658	11.456.436.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Cần Thơ)	5.872.360.000	6.212.170.000
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	-	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - Techcombank	93.600.000	-
Ngân hàng EXIMBANK	1.618.808.000	-
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	904.017.600	904.017.600
Công ty cho thuê tài chính ACB	775.148.000	775.148.000
Cộng vay dài hạn đến hạn	30.440.481.258	110.632.263.600
Vay và nợ ngắn hạn	404.989.063.981	473.247.112.341

D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	3.974.695.040	6.159.149.333
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.331.001.684	13.348.973.624
- Thuế thu nhập cá nhân	2.802.486.120	1.705.932.308
- Thuế khác	28.644.950	753.128.007
Cộng	23.136.827.794	21.967.183.272

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	18.836.974.316	14.117.025.512
- Trích trước lãi sử dụng vốn	4.906.406.892	4.348.934.191
- Trích trước khác (*)	1.593.174.438	3.158.789.686
Cộng	25.336.555.646	21.624.749.389

(*) Trong đó:

+ Trích trước chi phí lương, phí tư vấn trả cho Sumitomo, chi phí khuyến mại, chi phí bảo hành, bảo dưỡng... của Công ty TOYOTA Giải Phóng.

D20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	844.701.228	646.229.191
- Bảo hiểm xã hội	477.300.975	346.147.564
- Bảo hiểm y tế	239.700.668	165.141.548

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bảo hiểm thất nghiệp	8.280.620	30.167.999
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	83.008.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	172.029.506.391	90.901.880.716
Cộng	173.599.489.882	92.172.575.618

D21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.225.679.840	11.882.492.630
- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	40.513.189.137	113.637.338.994
Cộng	54.738.868.977	125.519.831.624

D22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	286.731.401.343	66.002.504.392
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam	25.998.000.000	28.732.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	17.549.281.000	32.133.773.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	41.770.917.342	52.510.390.126
Ngân hàng Tokyo Mitsumitshi (Cần Thơ)	29.953.530.795	38.754.490.795
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi (Hà Nội)	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	8.089.614.890	1.429.240.000
Ngân hàng Techcombank	249.200.000	-
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	540.341.945.370	349.562.398.313
Nợ dài hạn		
Công ty cho thuê tài chính Sacombank	2.230.064.864	3.134.082.464
Công ty cho thuê tài chính ACB	581.267.901	2.149.280.901
Cộng vay và nợ dài hạn	543.153.278.135	354.845.761.678

D23. Vốn chủ sở hữu***D23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
Số đầu 01/01/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184
Phát hành cổ phiếu trong năm 2010	-	-	(690.458.358)	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	-	-	-	71.729.573.164	71.729.573.164
Phân bổ các quỹ	-	-	-	-	-	-	(8.474.336.283)	(8.474.336.283)
Cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	(37.483.325.500)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT	-	-	-	-	-	-	(831.975.841)	(831.975.841)
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.502.991.846	894.000.671	874.427.123	-	4.271.419.640
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.126.924.681)	(1.126.924.681)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(143.990.495)	-	-	(143.990.495)
Số dư 31/12/2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830
Số dư 01/01/2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.159.016.653	9.067.519.041	133.075.083.886	732.725.216.830
Phát hành cổ phiếu trong năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	-	-	38.888.983.586	38.888.983.586
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.851.432.450	8.681.184.349	-	10.532.616.799
Cổ tức chia 2011	-	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Giảm trong kỳ	-	-	-	(1.231.319.822)	(2.262.462.404)	-	(18.680.009.668)	(22.173.791.894)
Số dư 31/12/2011	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	3.862.163.483	18.747.986.699	17.748.703.390	128.308.550.804	734.997.518.321

D23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	100.807.230.000	88.307.230.000
Vốn góp của các cổ đông	149.148.500.000	161.648.500.000
Cộng	249.955.730.000	249.955.730.000

D23.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn góp đầu kỳ	249.955.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	249.955.730.000

Phân phối cổ tức:

- Đến 31/12/2011, công ty chưa có công bố về cổ tức 2011.

D23.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.995.573	24.995.573

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông	24.995.573	24.995.573
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.066	20.066
- Cổ phiếu phổ thông	20.066	20.066
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.975.507	24.975.507
- Cổ phiếu phổ thông	24.975.507	24.975.507

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D23.5. Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- + Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D24. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D25. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<u>Quý 4/ 2011</u>	<u>Quý 4/ 2010</u>
D26. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	1.774.286.313.412	1.410.711.364.065
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.923.993.913	52.349.327.441
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	20.199.960	18.555.500
- Hàng bán bị trả lại	11.153.288.864	6.107.430.707
- Giảm giá hàng bán	218.654.017	728.772.727
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.874.818.164.484</u>	<u>1.456.205.932.572</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	1.762.894.170.571	1.403.856.605.131
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	111.923.993.913	52.349.327.441
D27. Giá vốn hàng bán		
	<u>Quý 4/ 2011</u>	<u>Quý 4/ 2010</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.669.220.082.051	1.305.837.082.303
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	93.089.278.139	46.121.484.063
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	54.779.899	4.303.218
Cộng	<u>1.762.364.140.089</u>	<u>1.351.962.869.584</u>

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 4/ 2011	Quý 4/ 2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	704.444.138	1.408.744.706
Lãi, cổ tức được chia	2.160.484.615	7.877.994.856
Lãi bán chứng khoán	-	9.184.190.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.974.301.149	222.426.547
Thu hoạt động tài chính khác	21.456.462.727	907.006.944
Cộng	26.295.692.629	19.600.363.053

D29. Chi phí tài chính

	Quý 4/ 2011	Quý 4/ 2010
Chi phí lãi vay	33.285.210.470	23.286.222.275
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.975.772	272.718.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá	679.720.028	179.325.400
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	31.495.190.100
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.589.992.047	(31.453.339.850)
Chi phí tài chính khác	438.660.227	201.936.076
Cộng	38.996.558.544	23.982.052.600

D30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 4/ 2011	Quý 4/ 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.804.472.055	39.496.116.967
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	8.972.292.284	3.832.656.702
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	11.832.179.772	35.663.460.265
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.975.507	24.981.958
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	474	1.428

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 4/ 2011</u>	<u>Quý 4/ 2010</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đầu kỳ	24.975.507	24.981.958
Mua lại làm cổ phiếu trong kỳ	-	-
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>24.975.507</u>	<u>24.981.958</u>

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Vĩnh Thọ